



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2011

(Báo cáo chưa được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MTV
CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**

Trụ sở chính : 225 Đại Lộ Võ Văn Kiệt - Q.1 - TP.HCM
Tel : (84.8) 3 836 7734 - 3 836 8878 · Fax : (84.8) 3 836 0582
Website : www.chuongduongcorp.vn · Email : cdacic@vnn.vn
Mã chứng khoán (HOSE) : CDC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHUÔNG DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

***Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011***

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

1 - 4

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

5

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

6 - 7

Thuyết minh báo cáo tài chính

9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		584,633,409,794	639,113,751,454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14,029,571,058	25,339,546,966
1. Tiền	111		14,029,571,058	24,739,546,966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,331,249,600	24,313,229,600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26,152,498,209	26,134,478,209
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,821,248,609)	(1,821,248,609)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	197,782,726,467	263,848,376,733
1. Phải thu khách hàng	131		159,825,856,731	242,696,654,823
2. Trả trước cho người bán	132		45,178,638,441	30,090,918,383
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		25,000,000	25,000,000
5. Các khoản phải thu khác	135		4,286,670,079	2,569,242,311
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11,533,438,784)	(11,533,438,784)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	329,842,618,601	309,505,437,025
1. Hàng tồn kho	141		329,842,618,601	309,505,437,025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,647,244,068	16,107,161,130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		223,392,865	16,476,199
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		797,590	69,534,397
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18,423,053,613	16,021,150,534
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81,916,137,767	83,668,629,832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26,709,025,508	27,810,461,776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	23,770,748,649	24,813,599,318
Nguyên giá	222		60,227,616,390	60,227,616,390
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36,456,867,741)	(35,414,017,072)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		2,938,276,859	2,996,862,458
Nguyên giá	228		4,686,848,000	4,686,848,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,748,571,141)	(1,689,985,542)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		48,169,001,493	48,531,749,023
Nguyên giá	241		52,257,110,810	52,257,110,810
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4,088,109,317)	(3,725,361,787)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,093,152,646	5,093,152,646
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		593,152,646	593,152,646
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	4,500,000,000	4,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,944,958,120	2,233,266,387
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1,697,008,660	1,985,316,927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		247,949,460	247,949,460
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		666,549,547,561	722,782,381,286

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		412,020,817,647	476,373,252,864
I. Nợ ngắn hạn	310		353,562,931,655	417,547,375,962
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	161,687,193,451	151,190,950,285
2. Phải trả người bán	312	V.10	73,982,385,905	154,160,909,847
3. Người mua trả tiền trước	313		14,945,659,109	11,941,275,341
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	26,058,531,067	28,503,757,494
5. Phải trả người lao động	315		3,000,724,193	5,961,003,869
6. Chi phí phải trả	316	V.12	49,040,922,010	36,434,489,733
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	22,953,493,212	26,875,066,685
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,894,022,708	2,479,922,708
II. Nợ dài hạn	330		58,457,885,992	58,825,876,902
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6,966,232,304	6,992,818,214
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	51,405,524,000	51,742,119,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		86,129,688	90,939,688
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254,528,729,914	246,409,128,422
I. Vốn chủ sở hữu	410		254,430,535,252	246,240,173,814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	124,657,150,000	124,657,150,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77,142,009,600	77,142,009,600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13,480,100,370	13,480,100,370
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,407,948,206	5,407,948,206
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33,743,327,076	25,552,965,638
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		98,194,662	168,954,608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		666,549,547,561	722,782,381,286

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.1, TP HCM

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD			
EUR			
BATH			
HKD			
JPY			
NDT			
MACAU			
CAD			
REAL			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Văn Minh Hoàng**
Kế toán trưởng

Thành phố HCM, ngày 11/05/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76,309,009,466	59,792,365,903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	76,309,009,466	59,792,365,903
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64,304,095,736	45,431,611,958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,004,913,730	14,360,753,945
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	764,825,963	873,669,523
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,877,481,642	1,727,870,403
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,529,672,262	1,726,450,883
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	336,638,171	158,440,334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,454,363,431	2,732,234,999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,101,256,449	10,615,877,732
11. Thu nhập khác	31	VI.7	55,921,784	118,406,189
12. Chi phí khác	32	VI.8	8,376,740	120,973,630
13. Lợi nhuận khác	40		47,545,044	(2,567,441)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên do	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	VI.9	8,148,801,493	10,613,310,291
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.10	2,055,830,088	2,544,667,843
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	VI.11	6,092,971,405	8,068,642,448
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			4,147,064	13,301,993
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			<u>6,088,824,341</u>	<u>8,055,340,455</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		<u>-</u>	<u>-</u>

Thành phố HCM, ngày 11/05/2011




Văn Minh Hoàng
 Kế toán trưởng


Lê Văn Chính
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 QUÝ 1 - NĂM 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	NĂM 2011		NĂM 2010	
			Quý 1	Lũy kế từ đầu năm	Quý 1	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	19	76,309,009,466	76,309,009,466	59,792,365,903	59,792,365,903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76,309,009,466	76,309,009,466	59,792,365,903	59,792,365,903
4. Giá vốn hàng bán	11	20	64,304,095,736	64,304,095,736	45,431,611,958	45,431,611,958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,004,913,730	12,004,913,730	14,360,753,945	14,360,753,945
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	764,825,963	764,825,963	873,669,523	873,669,523
7. Chi phí tài chính	22	22	1,877,481,642	1,877,481,642	1,727,870,403	1,727,870,403
-Trong đó: Lãi vay phải trả	23		1,529,672,262	1,529,672,262	1,726,450,883	1,726,450,883
8. Chi phí bán hàng	24		336,638,171	336,638,171	158,440,334	158,440,334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,454,363,431	2,454,363,431	2,732,234,999	2,732,234,999
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		8,101,256,449	8,101,256,449	10,615,877,732	10,615,877,732
11. Thu nhập khác	31		55,921,784	55,921,784	118,406,189	118,406,189
12. Chi phí khác	32		8,376,740	8,376,740	120,973,630	120,973,630
13. Lợi nhuận khác	40		47,545,044	47,545,044	(2,567,441)	(2,567,441)
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		8,148,801,493	8,148,801,493	10,613,310,291	10,613,310,291
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,055,830,088	2,055,830,088	2,544,667,843	2,544,667,843
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6,092,971,405	6,092,971,405	8,068,642,448	8,068,642,448
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		4,147,064	4,147,064	13,301,993	13,301,993
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		6,088,824,341	6,088,824,341	8,055,340,455	8,055,340,455
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Hồng Nga

Bùi Thị Hồng Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Văn Minh Hoàng

Văn Minh Hoàng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,148,801,493	10,613,310,291
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,477,135,666	1,384,868,489
- Các khoản dự phòng	03		-	370,578,283
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		577,723,056	121,334,262
- Chi phí lãi vay	06		1,459,073,962	1,727,870,403
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11,662,734,177	14,217,961,728
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(7,232,206,966)	(14,918,468,040)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(20,507,399,321)	(24,392,521,794)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1,266,621,967	(46,855,525,532)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		81,391,601	(3,452,511,674)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,459,073,962)	(1,776,841,268)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,601,791,075)	(17,081,685,623)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4,843,886	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(666,724,381)	(1,749,356,188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21,451,604,074)	(96,008,948,391)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	30,995,480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	(16,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7,885,839,497)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,885,839,497)	(16,469,004,520)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7,867,819,497	88,665,200,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		47,298,469,460	25,461,210,354
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37,138,821,294)	(22,083,467,002)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6,465,360,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18,027,467,663	85,577,583,352
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11,309,975,908)	(26,900,369,559)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25,339,546,966	39,055,954,264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		14,029,571,058	12,155,584,705



Kế Toán Trưởng
Văn Minh Hoàng



Tổng Giám Đốc
Lê Văn Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công Ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 03 năm 2010.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Danh sách công ty con được hợp nhất :

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Chương Dương số 1		67%	67%
Công ty TNHH TM Chương Dương	225 Đại lộ Võ Văn Kiệt , Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	225 Đại lộ Võ Văn Kiệt , Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	89%	89%
Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Thuận Thành Phát	Số 33/3 Đường 12, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh.	100%	100%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	225 Đại lộ Võ Văn Kiệt , Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	88%	88%

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Các công ty con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ghi nhận lợi ích của công ty trên lỗ hoặc lãi của công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của công ty trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa	30 năm
------------------------------	--------

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi phát sinh doanh thu từ việc bán các sản phẩm từ các dự án bất động sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	8.266.197.964	9.182.591.480
Tiền gửi ngân hàng	5.763.373.094	15.555.955.486
Tiền gửi VND	5.758.790.551	15.551.372.943
Tiền gửi USD	4.582.543	4.582.543
Các khoản tương đương tiền (*)		600.000.000
Tổng cộng	14.029.571.058	25.339.546.966

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Số cuối kỳ	Số lượng	Số đầu kỳ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.782.998.209		4.764.978.209
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.000	374.935.000	8.000	374.935.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	14.960	492.984.000	14.960	492.984.000
Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	28.957	507.853.724	28.957	507.853.724
Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000
Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)	4.050	112.053.250	4.050	112.053.250
Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	14.400	341.476.800	14.400	341.476.800
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200
Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)	17.000	673.329.125	17.000	673.329.125
Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)	23.100	328.127.630	23.100	328.127.630
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	3.699	36.989.700	3.699	36.989.700
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	24.000	666.884.000	24.000	666.884.000
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	6.000	156.315.000	6.000	156.315.000
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)	7.265	303.210.000	5.463	285.190.000
Trái phiếu		68.000.000		68.000.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	68	68.000.000	68	68.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		21.301.500.000		21.301.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.821.248.609)		(1.821.248.609)
Tổng cộng		24.331.249.600		24.313.229.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

4. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu khác	4.286.670.079	2.569.242.311
Tổng cộng	4.286.670.079	2.569.242.311

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	8.694.555.580	3.097.246.625
Công cụ dụng cụ	1.415.009.406	1.000.409.154
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	318.396.439.345	303.649.641.404
+ Công trình xây dựng	38.489.247.033	32.971.844.879
+ Dự án bất động sản	279.907.192.312	270.677.796.525
Hàng hóa	1.336.614.270	1.758.139.842
Tổng cộng	329.842.618.601	309.505.437.025

6. TÀI SẢN NGÁN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	17.874.540.917	15.542.637.838
Ký quỹ, ký cược	474.741.333	404.741.333
Tài sản thiếu chờ xử lý	73.771.363	73.771.363
Tổng cộng	18.423.053.613	16.021.150.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Số dư cuối kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.689.985.542	1.689.985.542
Khấu hao trong kỳ	58.585.599	58.585.599
Số dư cuối kỳ	1.748.571.141	1.748.571.141
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.996.862.458	2.996.862.458
Tại ngày cuối kỳ	2.938.276.859	2.938.276.859

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	15.030.856.301	24.020.510.147	19.930.694.562	1.245.555.380	60.227.616.390
Mua trong kỳ					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối kỳ	15.030.856.301	24.020.510.147	19.930.694.562	1.245.555.380	60.227.616.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.997.030.606	16.500.093.437	10.108.877.555	808.015.474	35.414.017.072
Khấu hao trong kỳ	150.206.748	394.512.848	455.938.952	42.092.121	1.042.750.669
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối kỳ	8.147.237.354	16.894.606.285	10.564.816.507	850.107.595	36.456.767.741
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	7.033.825.695	7.520.416.711	9.821.818.007	437.539.905	24.813.599.318
Tại ngày cuối kỳ	6.883.618.947	7.125.903.683	9.365.878.055	395.447.784	23.770.848.649

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	52.257.110.810		52.257.110.810
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.725.361.787	362.747.530	4.088.109.317
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	48.531.749.023		48.169.001.493

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ vốn tham gia	Số cuối kỳ	Tỷ lệ vốn tham gia	Số đầu kỳ
Công ty CP Tháp Nam Việt (*)	30%	1.300.000.000	30%	1.300.000.000
Tổng cộng		1.300.000.000		1.300.000.000

b. Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần BOT Cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy Điện Srok Miêng IDICO	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	1.587.008.660	1.865.316.927
Lợi thế doanh nghiệp	110.000.000	120.000.000
Chi phí lãi vay		
Tổng cộng	1.697.008.660	1.985.316.927

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	34.478.389.946	34.479.743.618
Công ty Tài Chính Cao Su		
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (2)	28.243.066.600	30.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	4.460.973.905	4.471.219.693
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 (4)	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (5)	77 286 063 000	70.000.000.000
Ngân hàng SHB – Chi nhánh TP.HCM (6)	1.200.000.000	2.188.386.974
Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (7)	5.992.900.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 16)	25.800.000	51.600.000
Tổng cộng	161.687.193.451	151.190.950.285

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,41%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 1,41%/năm, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng mở tại ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn.

(4) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng. Tài sản thế chấp là BĐS tại địa chỉ số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. Hồ Chí Minh

(5) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng. Tài sản thế chấp là 02 BĐS tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(6) Vay Ngân hàng SHB – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 15%/năm mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

(7) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 19%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, đây là khoản vay tín chấp.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	7.038.378.380	9.664.586.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.317.231.704	18.167.504.296
Thuế thu nhập cá nhân	553.078.577	385.713.542
Các loại thuế khác	149.842.406	285.953.271
Tổng cộng	26.058.531.067	28.503.757.494

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.807.933	2.807.933
Kinh phí công đoàn	1.317.710.971	1.312.571.980
Bảo hiểm	585.429.901	288.532.491
Phải trả khác	21.047.544.407	25.271.154.281
Tổng cộng	22.953.493.212	26.875.066.685

15. VAY DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn	51.405.524.000	51.742.119.000
Công ty Tài Chính Cao Su (1)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (2)	1.346.524.000	1.683.119.000
Ngân hàng VID Public (3)	59.000.000	59.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.800.0000	51.600.000
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11		
Ngân hàng VID Public	25.800.000	51.600.000
Số dư vay dài hạn	51.431.324.000	51.793.719.000

(1) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

ÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

(2) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,41%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay ngân hàng VID Public theo hợp đồng HCM/CL/08/053 với lãi suất 1.42%/tháng, mục đích vay mua xe con phục vụ thi công. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 48 tháng, lãi được trả hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	29.629.760.000	23,77	29.629.760.000	23.77
Vốn góp của các đối tượng khác	95.027.390.000	76,23	95.027.390.000	76.23
Tổng cộng	124.657.150.000	100	124.657.150.000	100

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	124.657.150.000	64.657.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		60.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	124.657.150.000	124.657.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		6.465.715.000

c. Cổ phiếu

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.465.715	12.465.715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.465.715	12.465.715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.465.715	12.465.715
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.465.715	12.465.715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.465.715	12.465.715

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

d. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	124.657.150.000	77.142.009.600	13.480.100.370	5.407.948.206	25.552.965.638	246.240.173.814
- Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong quý	-	-	-	-	6.092.971.405	6.092.971.405
- Chia các quỹ						
- Giảm khác						
- Tăng khác					2.097.390.033	2.097.390.033
- Chia cổ tức	-	-	-	-		
Số dư cuối kỳ	124.657.150.000	77.142.009.600	13.480.100.370	5.407.948.206	33.743.327.076	254.430.535.252

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Xây lắp	64.248.726.557	43.501.318.641
Dự án		7.773.397.958
Bán vật tư	3.264.031.533	1.114.040.603
Cho thuê nhà văn phòng	8.796.251.376	7.103.608.701
Khác		300.000.000
Tổng cộng	76.309.009.466	59.792.365.903

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Xây lắp	59.320.607.598	40.826.618.370
Dự án		1.537.573.799
Bán vật tư	2.179.380.255	231.201.308
Cho thuê nhà văn phòng	2.804.107.883	2.836.218.481
Khác		
Tổng cộng	64.304.095.736	45.431.611.958

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	720.009.963	804.298.285
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	44.816.000	57.571.238
Lợi nhuận được chia		11.800.000
Tổng cộng	764.825.963	873.669.523

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.877.451.942	1.726.450.883
Kinh doanh chứng khoán	29.700	1.419.520
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		
Khác		
Tổng cộng	1.877.481.642	1.727.870.403

21. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị		
Thù lao Ban kiểm soát		
Ban giám đốc	247.149.161	303.110.000
Tổng cộng	247.149.161	303.110.000



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng
Ngày 16 tháng 05 năm 2011



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc